

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1. Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái:

- A. Vô cơ B. Hữu sinh C. Chất hữu cơ D. Vô sinh

Câu 2. Môi trường sống của cây xanh là:

- A. Đất và nước B. Đất
C. Đất và không khí D. Không khí và nước

Câu 3. Số lượng cá thể trong quần thể tăng cao khi:

- A. Xuất hiện nhiều kẻ thù trong môi trường sống
B. xảy ra sự cạnh tranh gay gắt trong quần thể
C. Nguồn thức dồi dào và nơi ở rộng rãi
D. Dịch bệnh lan tràn

Câu 4. Trong chăn nuôi, để tận dụng ưu thế lai, người ta dùng phép lai nào sau đây:

- A. Lai kinh tế B. Lai phân tích
C. Giao phối ngẫu nhiên D. Giao phối cận huyết

Câu 5. Các loài thú sau đây hoạt động vào ban đêm là:

- A. Trâu, bò, dơi B. Chồn, dê, cừu C. Cáo, sóc, dê D. Dơi, chồn, sóc

Câu 6. Nếu ở thế hệ xuất phát P có kiểu gen 100% Aa, trải qua 2 thế hệ tự thụ phấn, thì tỉ lệ của thể dị hợp còn lại ở thế hệ con lai thứ hai(F₂) là:

- A. 25% B. 12,5% C. 50% D. 75%

Câu 7: Cá chép có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 2⁰C đến 44⁰C, điểm cực thuận là 28⁰C. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 5⁰C đến 42⁰C, điểm cực thuận là 30⁰C. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Vùng phân bố cá chép hẹp hơn cá rô phi vì có điểm cực thuận thấp hơn.
B. Vùng phân bố cá rô phi rộng hơn cá chép vì có giới hạn dưới cao hơn.
C. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.
D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn dưới thấp hơn.

Câu 8. Cây phù hợp với môi trường râm mát là:

- A. Cây bạch đàn
C. Cây vạn niên thanh
- B. Cây phi lao
D. Cây xà cừ

Câu 9. Động vật nào sau đây là động vật ưa tối?

- A. Sơn dương
B. Đà điểu
C. Gián
D. Chim sâu

Câu 10. Để góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm là:

- A. Xây dựng gia đình với qui mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con.
B. Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước
C. Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên
D. Chặt, phá cây rừng nhiều hơn

Câu 11. Về mặt di truyền, người ta không dùng con lai kinh tế làm giống vì:

- A. Con lai kinh tế là thể dị hợp sẽ phân li và tạo ở đời sau thể đồng hợp lặn biểu hiện kiểu hình xấu.
B. Làm giảm kiểu gen ở đời con.
C. Con lai kinh tế là giống không thuần chủng.
D. Làm tăng kiểu hình ở đời con.

Câu 12. Phân tử ADN tái tổ hợp được tạo ra trong kĩ thuật gen là:

- A. Phân tử ADN của thể truyền có mang một đoạn ADN của tế bào cho
B. Phân tử ADN của tế bào nhận
C. Phân tử ADN của tế bào cho đã bị cắt bỏ 1 hay 1 cụm gen
D. Phân tử ADN của tế bào cho

Câu 13. Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

- A. Hôn nhân, giới tính, mật độ
B. Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hoá
C. Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử
D. Văn hoá, giáo dục, mật độ, sinh và tử

Câu 14. Nhóm tuổi nào của các cá thể không còn khả năng ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể?

- A. Nhóm trước sinh sản và nhóm sau sinh sản
B. Nhóm tuổi sau sinh sản
C. Nhóm tuổi còn non và nhóm sau sinh sản
D. Nhóm trước sinh sản và nhóm sinh sản

Câu 15. Ý nghĩa của nhóm tuổi trước sinh sản trong quần thể là:

- A. Không làm giảm khả năng sinh sản của quần thể
- B. Làm giảm mật độ trong tương lai của quần thể
- C. Không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể
- D. Có vai trò chủ yếu làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể

Câu 16. Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật:

- A. Các cây xanh trong một khu rừng
- B. Các động vật cùng sống trên một đồng cỏ
- C. Các cá thể chuột cùng sống trên một đồng lúa
- D. Cả A, B đều đúng

Câu 17. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hoá giống là:

- A. Giao phối xảy ra ở thực vật.
- B. Lai giữa các dòng thuần chủng khác nhau.
- C. Tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối cận huyết ở động vật
- D. Giao phối ngẫu nhiên xảy ra ở động vật

Câu 18. Phương pháp lai khác dòng được sử dụng rộng rãi ở thực vật nào sau đây?

- A. Nha đam, mía.
- B. Chè, hoa hồng.
- C. Ngô, lúa.
- D. Bắp cải, cà rốt.

Câu 19. Người ta sử dụng yếu tố nào để cắt và nối ADN lại trong kĩ thuật gen?

- A. Hoá chất khác nhau
- B. Hoocmon
- C. Enzim
- D. Xung điện

Câu 20. Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định được gọi:

- A. Giới hạn sinh thái
- B. Sức bền của cơ thể
- C. Khả năng cơ thể
- D. Tác động sinh thái

Câu 21. Hiện tượng tăng dân số tự nhiên là do:

- A. Số người sinh ra và số người tử vong bằng nhau
- B. Số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong
- C. Chỉ có sinh ra, không có tử vong
- D. Số người sinh ra ít hơn số người tử vong

Câu 22: Các nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố sinh thái vô sinh?

A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, thực vật.

B. Nước biển, sông, hồ, ao, cá, ánh sáng, nhiệt độ, độ dốc.

C. Khí hậu, thổ nhưỡng, nước, địa hình.

D. Các thành phần cơ giới và tính chất lí, hoá của đất; nhiệt độ, độ ẩm, động vật.

Câu 23. Hậu quả dẫn đến từ sự gia tăng dân số quá nhanh là:

A. Điều kiện sống của người dân được nâng cao hơn

B. Trẻ được hưởng các điều kiện để học hành tốt hơn

C. Nguồn tài nguyên ít bị khai thác hơn

D. Thiếu lương thực, thiếu nơi ở, trường học và bệnh viện

Câu 24. Đa người có thể là môi trường sống của:

A. Chấy, rận, nấm

B. Thực vật bậc thấp

C. Giun đũa kí sinh

D. Sâu

Câu 25. Điều nào sau đây đúng khi nói về chim cú mèo?

A. Tìm mồi vào ban đêm

B. Là loài động vật biến nhiệt

C. Chỉ ăn thức ăn thực vật và côn trùng

D. Tìm mồi vào buổi sáng sớm

Câu 26. Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi là:

A. Trẻ, trưởng thành và già

B. Trước giao phối và sau giao phối

C. Ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành

D. Trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản

Câu 27. Những đặc điểm chỉ có ở quần thể người mà không có ở quần thể sinh vật khác là:

A. Giới tính, pháp luật, kinh tế, văn hoá

B. Sinh sản, giáo dục, hôn nhân, kinh tế

C. Tử vong, văn hoá, giáo dục, sinh sản

D. Pháp luật, kinh tế, văn hoá, giáo dục, hôn nhân

Câu 28. Vi khuẩn đường ruột E.coli thường được dùng làm tế bào nhận trong kĩ thuật gen nhờ nó có đặc điểm:

A. Dễ nuôi cấy, có khả năng sinh sản nhanh

- B.** Có thể sống được ở nhiều môi trường khác nhau
- C.** Cơ thể chỉ có một tế bào
- D.** Có khả năng đề kháng mạnh

Câu 29. Đặc điểm nào sau đây không phải là biểu hiện của ưu thế lai?

- A.** Cơ thể lai F1 có năng suất giảm.
- B.** Cơ thể lai F1 có sức sống cao, sinh trưởng phát triển mạnh.
- C.** Cơ thể lai F1 có khả năng chống chịu tốt hơn với các điều kiện môi trường so với cơ thể mẹ.
- D.** Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ.

Câu 30. Đặc điểm sau đây không được xem là điểm đặc trưng của quần thể là:

- A.** Mật độ của quần thể
- B.** Thời gian hình thành của quần thể
- C.** Tỷ lệ giới tính của các cá thể trong quần thể
- D.** Thành phần nhóm tuổi của các cá thể

----- **HẾT** -----